

Số: **147** /2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 22/04/2022

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Bổng**

Bà **Nguyễn Thị Chiển**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy**, Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Anh**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 04 năm 2022 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 386/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1992;

HKTT: Thôn Tr, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1985;

HKTT: Thôn Tr, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

(*Chị H có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2021 và bản tự khai ngày 02/12/2021, lời khai trong quá trình tố tụng, chị **Nguyễn Thị H** trình bày: Chị kết hôn với anh **Nguyễn Văn T** ngày 29/10/2010 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị về chung sống với nhau ngay tại gia đình anh T. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 02 năm đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường chơi bời, không lo làm ăn, không quan tâm gia đình lại mắc nghiện ma túy, đặc biệt là sau khi bị tai nạn lao động gãy chân, tính tình anh T thường nóng nảy, chỉ mâu thuẫn nhỏ cũng khiến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn tới cuộc sống chung không hòa hợp, thường chửi bới, xô xát. Mặc dù gia đình hai bên đã can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả. Chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2016. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 một con chung là: cháu Nguyễn Thùy C, sinh ngày 27/06/2011, hiện nay cháu C đang sống cùng chị H. Ly hôn chị H có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu C đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức, công nợ chung: Không có gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2022 anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H ngày 29/10/2010. trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về ăn ở cùng nhau ngay tại thôn Tr, xã TH. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 10 năm, đến năm 2020 anh bị tai nạn lao động gãy chân, không làm được việc nặng, dẫn đến kinh tế gia đình sa sút, chị H thấy cuộc sống quá khó khăn nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2021 cho đến nay. Từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ, cảm thông được với nhau. Mặc dù gia đình hai bên cũng đã khuyên bảo hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ cuối năm 2021 cho đến nay. Tuy nhiên, anh vẫn xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị H xin ly hôn anh không đồng ý, nếu chị H kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con

chung: anh T xác định vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thùy C, sinh ngày 27/06/2011, hiện nay cháu C đang sống cùng chị H. Anh T có quan điểm nếu nguyện vọng cháu C muốn được ở với ai thì đề nghị Tòa án chấp nhận theo nguyện vọng của cháu. Nếu cháu C muốn được sống cùng với anh thì anh xin được nuôi dưỡng cháu và yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng); Nếu cháu C có nguyện vọng xin được sống cùng chị H thì anh cũng nhất trí và xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H vì hiện nay anh đang gặp khó khăn về kinh tế. Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức, công nợ chung: Không có gì.

Tại giấy khai ngày 02/12/2021, cháu Nguyễn Thùy C trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được sống cùng mẹ cháu là Nguyễn Thị H và không có yêu cầu gì đối với bố cháu là Nguyễn Văn T.

Tại biên bản xác minh ngày 09/3/2022, Chính quyền Ủy ban nhân dân xã TH cho biết: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn hợp pháp trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH ngày 29/10/2010 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2010. Sau khi tổ chức kết hôn, chị H, anh T về chung sống tại địa phương thôn Tr, xã TH. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh T nghiện ma túy, thời gian đi làm tàu cát ở bến phà Tr, anh T bị tai nạn lao động gãy chân, cuộc sống khó khăn về kinh tế nên vợ chồng chị H, anh T thường xảy ra bất đồng quan điểm, thường cãi chửi, xô xát với nhau, chị H đã không ở địa phương từ đầu năm 2021 cho đến nay. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh Nguyễn Văn T có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt, vụ án không hòa giải đoàn tụ được.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm của mình yêu cầu xin được ly hôn anh Nguyễn Văn T vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể trở về đoàn tụ vợ chồng được. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H xác định vợ chồng có một

con chung là cháu Nguyễn Thùy C, sinh ngày 27/06/2011, hiện nay cháu C đang sống cùng chị H. Ly hôn chị H có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu C đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức, công nợ chung: Không có gì. Về án phí: Chị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

* Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án thụ lý đúng theo thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thùy C, sinh ngày 27/06/2011 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn T đến khi chị Nguyễn Thị H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

- Tài sản chung, riêng, công sức chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị H làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội giải quyết hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Văn T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 29/10/2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H và anh T về chung sống cùng nhau ngay tại thôn Tr, xã TH. Chị H và anh T đều thừa nhận, cuộc sống chung vợ chồng đã có thời gian hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là anh T nghiện ma túy, cộng thêm kinh tế gia đình quá khó khăn nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi chửi, xô xát, không còn sự quan tâm, chia sẻ, cảm thông cho nhau. Chị H đã trở về nhà mẹ đẻ ở từ đầu năm 2016 cho tới nay. Trong quá trình sống ly thân, chị H và anh T cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên chị H không quay về, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng cũng từ đó cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn. Đối với anh Nguyễn Văn T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không nhất trí ly hôn và xin được đoàn tụ vợ chồng. Xét nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng của anh T là chính đáng, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải, tuy nhiên anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên họp, vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án, nên hòa giải đoàn tụ không thành. Chị H vẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn, bản thân anh T không coi trọng việc hòa giải, hàn gắn đoàn tụ, do cách suy nghĩ và cư xử quá khác biệt nên chị không thể tiếp tục chung sống với anh T. Do vậy, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn tha thiết được ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H và cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T để giải phóng cho cả đôi bên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về con chung: Có một con chung là cháu Nguyễn Thùy C, sinh ngày 27/06/2011, hiện nay cháu C đang sống cùng chị H. Chị H và anh T đều nhất trí tôn trọng nguyện vọng của cháu C. Tại Tòa án, cháu C có nguyện vọng bằng văn bản xin được sống cùng chị Nguyễn Thị H. Chị H có quan điểm xin được nuôi dưỡng cháu C đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. HĐXX xét thấy, chị H hiện nay có điều kiện về kinh tế, nhà ở, thu nhập ổn định nên có thể đảm bảo tốt các điều kiện để nuôi dạy con chung phát triển bình thường. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. HĐXX xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con chung là nghĩa vụ và trách nhiệm của cả bố và mẹ đối với con chung, tuy nhiên hiện nay anh T đang không có công việc ổn định, anh đang gặp khó khăn về kinh tế do vậy anh xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đến khi anh có điều kiện và chị H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Do vậy HĐXX xét thấy cần áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao con chung là Nguyễn Thùy C cho chị Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu C trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi chị H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Văn T có quyền qua lại và thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: Chị H và anh T đều xác định không có. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Văn T.

Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 01 (một) con chung, là cháu Nguyễn Thùy C, sinh ngày 27/06/2011, Giao cháu Nguyễn Thùy C cho chị Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu C trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn T đến khi chị Nguyễn Thị H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản riêng, về tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25 và khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị H đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0059864 ngày 02/12/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì nay được khấu trừ vào số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H phải nộp.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Ba Vì;
- Chi cục THADS huyện Ba Vì;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Dung